

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 422/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 93/114/18/3 đường N, Tổ 3, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 93/114/18/3 đường N, Tổ 3, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn – ông Phạm Thanh L trình bày:* Ông L và bà Nguyễn Thị H có thời gian tìm hiểu và kết hôn năm 2001 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59/KH, quyển số 01/2001 ngày 15/10/2001 của UBND phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, ông L và bà H chung sống với nhau tại địa chỉ

số 93/114/18/3 đường n, Tổ 3, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay, ông L và bà H đã sống ly thân, vợ chồng đã tìm cách hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông L và bà H có 02 con chung là cháu Phạm Thành N, sinh ngày 26/8/2002 và cháu Phạm Nguyễn Cát T, sinh ngày 09/01/2015. Sau khi ly hôn, ông L đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Đối với cháu Phạm Thành N đã thành niên và có khả năng lao động nên ông L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Bị đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:* Thống nhất lời khai ông L trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung. Theo bà H, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Bà H và ông L đã sống ly thân gần 05 năm. Vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình nhưng đều không có kết quả. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau nữa. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H đồng ý ly hôn với ông Phạm Thanh L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông L có 02 con chung là cháu Phạm Thành N, sinh ngày 26/8/2002 và Phạm Nguyễn Cát T, sinh ngày 19/01/2015. Hiện nay, cháu T đang sống cùng với bà H nên sau khi ly hôn bà H thống nhất ý kiến ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Vợ chồng ông L và bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; do mâu thuẫn vợ chồng của ông L và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông L; về con chung, do ông L và bà H đã thống nhất giao cháu Phạm Nguyễn Cát T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với

cháu Phạm Thành N đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết nên đề nghị giao cháu T cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H hiện đang cư trú tại: Số 93/114/18/3 đường N, Tổ 3, Khu phố 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó căn cứ Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Thanh L và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phạm Thanh L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Thanh L.

[4] Về con chung: Ông L và bà H có 02 người con chung tên Phạm Thành N, sinh ngày 26/8/2002 và Phạm Nguyễn Cát T, sinh ngày 19/01/2015. Xét thấy, cháu T hiện nay còn nhỏ, là nữ đang sống cùng với bà H nên việc chăm sóc, giáo dục của bà H sẽ tốt hơn cho sự phát triển của cháu T nên cần giao cháu T cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; do bà H không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Phạm Thành N đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

Ông Phạm Thanh L được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59/KH, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/10/2001).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Cát T, sinh ngày 19/01/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với cháu Phạm Thành N, sinh ngày 26/8/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001974 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường 3, TP. Sa Đéc,  
tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duy Nhân**